



1120 Series

Tải nhẹ

SERIES 10

10系列

- Bánh xe tải nhẹ, giá thành rẻ, thích hợp sử dụng cho kệ để đồ tải trọng nhẹ.
- 輕型腳輪，製成經濟，適用於輕型置物架等。

Tải trọng 載重
20 - 40 kg



» Vật liệu bánh xe 輪 子 選 項



Bánh Nylon
尼龍輪



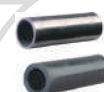
Bánh cao su
橡膠輪



Bánh PP
塑料輪



Bánh TPR lõi PP
超級人造膠（風火輪）



Ống trực/
Ống bạc
中管



Ô bi
滾珠軸承

» Quy cách tấm lắp càn xoay 活 動 底 板 規 格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1-1/2"	38 x 46mm (1-1/2" x 1-13/16")	28 x 36mm (1-1/8" x 1-1/2")	5mm (1/5")
2"	47 x 59mm (1-7/8" x 2-1/3")	35 x 46mm (1-3/8" x 1-13/16")	6mm (3/16")
2-1/2"	57 x 70mm (2-1/4" x 2-3/4")	42 x 55mm (1-5/8" x 2-3/16")	8mm (5/16")
3"	57 x 70mm (2-1/4" x 2-3/4")	42 x 55mm (1-5/8" x 2-3/16")	8mm (5/16")

» Quy cách tấm lắp càn cố định 固 定 底 板 規 格

Kích cỡ bánh xe 腳輪尺寸	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1-1/2"	26 x 46mm (1" x 1-13/16")	15 x 36mm (3/5" x 1-7/16")	5mm (1/5")
2"	40 x 58mm (1 x 9/16" x 2-7/15")	25 x 45mm (1" x 1-3/4")	6mm (3/16")
2-1/2"	46 x 70mm (1-13/16" x 2-3/4")	28 x 55mm (1-1/8" x 2-3/16")	8mm (5/16")
3"	46 x 70mm (1-13/16" x 2-3/4")	28 x 55mm (1-1/8" x 2-3/16")	8mm (5/16")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
38mm x 16mm (1-1/2" x 5/8")	20 kgs (44 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1120-15-29-1	1120-15-29-2	--	Ổ trục/ Ổng bạc 中管	49mm (2")	Xoay 35mm 活動 35mm
	20 kgs (44 lbs)	Bánh cao su 橡膠輪	1120-15-06-1	1120-15-06-2	--			
	25 kgs (55 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1120-15-07-1	1120-15-07-2	--			
50mm x 20mm (2" x 13/16")	35 kgs (77 lbs)	Bánh TPR lõi PP 超級人造膠 (風火輪)	1120-02-94-1	1120-02-94-2	--	Ổ bi 滾珠	65mm (2-9/16")	Xoay 49mm 活動 49mm
50mm x 22mm (2" x 7/8")	25 kgs (55 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1120-02-29-1	1120-02-29-2	--	Ổ trục/ Ổng bạc 中管	65mm (2-9/16")	Xoay 49mm 活動 49mm
	30 kgs (66 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1120-02-07-1	1120-02-07-2	--			
	25 kgs (55 lbs)	Bánh cao su 橡膠輪	1120-02-06-1	1120-02-06-2	--			
	35 kgs (77 lbs)	Bánh Resolute 全效輪	1120-02-68-1	1120-02-68-2	--			
63mm x 25mm (2-1/2" x 1")	30 kgs (66 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1120-25-29-1	1120-25-29-2	--	Ổ trục/ Ổng bạc 中管	80mm (3-1/8")	Xoay 52mm 活動 52mm
	35 kgs (77 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1120-25-07-1	1120-25-07-2	--			
75mm x 25mm (3" x 1")	35 kgs (77 lbs)	Bánh PP 塑料輪	1120-03-29-1	1120-03-29-2	--	Ổ trục/ Ổng bạc 中管	90.5mm (3-9/16")	Xoay 59mm 活動 59mm
	40 kgs (88 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1120-03-07-1	1120-03-07-2	--			